

BỘ NỘI VỤ

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
BỒI DƯỠNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN, CẤP XÃ NHIỆM KỲ 2021- 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2021

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

1. Đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ- Trưởng ban.
2. Đồng chí Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ- Phó trưởng ban.
3. Đồng chí Lại Đức Vượng, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ- Ủy viên.
4. Đồng chí Đặng Xuân Hoan, Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia- Ủy viên.

THƯỜNG TRỰC BIÊN SOẠN

1. PGS.TS. Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ- Trưởng ban;
2. TS. Đặng Xuân Hoan, Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia- Phó Trưởng ban;
3. TS. Lại Đức Vượng, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ- Phó Trưởng ban;
4. GS.TS. Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương- Chuyên gia;
5. GS.TS. Vũ Văn Hiền, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương- Chuyên gia;
6. PGS.TS. Lương Thanh Cường, Phó Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia- Thư ký.

NHÓM BIÊN SOẠN

CHUYÊN ĐỀ 1

1. TS. Đỗ Thị Kim Tiên, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. TS. Bùi Thị Thùy Nhi, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 2

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. TS. Đàm Bích Hiền, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 3

1. TS. Nguyễn Thị Hà, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Nguyễn Văn Hậu, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 4

1. PGS.TS. Lê Thị Vân Hạnh, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGSTS. Nguyễn Thị Vân Hương, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 5

1. TS. Lê Như Thanh, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Ngô Thành Can, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 6

1. TS. Nguyễn Thị Hà, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Nguyễn Văn Hậu, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 7

1. TS. Nguyễn Đăng Quế, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Đặng Khắc Ánh, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 8

1. TS. Lê Toàn Thắng, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. TS Nguyễn Xuân Thu, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 9

1. TS. Nguyễn Thị Vân Hà, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Phụng, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 10

1. TS. Trần Thị Thoa, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 11

1. PGS.TS. Đặng Khắc Ánh, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. TS. Nguyễn Viết Định, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 12

1. TS. Tạ Thị Hương, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. ThS. Trương Thị Ngọc Lan, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 13

1. TS. Tạ Thị Hương, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. TS. Đặng Thị Minh, Học viện Hành chính Quốc gia.

CHUYÊN ĐỀ 14

1. TS. Nguyễn Thị Lan Anh, Học viện Hành chính Quốc gia;
2. ThS. Doãn Minh Thắng, Học viện Hành chính Quốc gia.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BHYT	Bảo hiểm y tế
CQĐP	Chính quyền địa phương
CNTT	Công nghệ thông tin
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
HĐND	Hội đồng nhân dân
NSNN	Ngân sách nhà nước
NTM	Nông thôn mới
TT&TT	Thông tin và truyền thông
TAND	Tòa án nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
VKSND	Việt Kiểm sát nhân dân
XDNTM	Xây dựng nông thôn mới

MỤC LỤC

Chuyên đề 1 TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO CHÍNH QUYỀN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	1
Chuyên đề 2 CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ.....	25
Chuyên đề 3 KỸ NĂNG GIÁM SÁT CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	73
Chuyên đề 4 KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THỰC THI NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ....	99
Chuyên đề 5 KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH, THẢO LUẬN, TRANH LUẬN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ.....	126
Chuyên đề 6 KỸ NĂNG TIẾP XÚC CỬ TRI, TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ.....	152
Chuyên đề 7 KỸ NĂNG CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRONG THAM GIA XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT.....	183
Chuyên đề 8 KỸ NĂNG THẨM TRA, GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ.....	207
Chuyên đề 9 KỸ NĂNG GIÁM SÁT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI Ở CẤP HUYỆN, CẤP XÃ.....	236
Chuyên đề 10 KỸ NĂNG GIÁM SÁT XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN, XÃ.....	259
Chuyên đề 11 KỸ NĂNG GIÁM SÁT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ Ở QUẬN, PHƯỜNG	294

Chuyên đề 12 KỸ NĂNG GIÁM SÁT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN SINH XÃ HỘI Ở CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	309
Chuyên đề 13 KỸ NĂNG GIÁM SÁT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA, GIÁO DỤC, Y TẾ Ở CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	331
Chuyên đề 14 KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ.....	358

Chuyên đề 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO CHÍNH QUYỀN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

I. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

1. Tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2016 - 2020

Giai đoạn 2016 - 2020 là giai đoạn 5 năm lần thứ 2 trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam 10 năm (2011 - 2020). Đây là giai đoạn được đánh giá là bản lề quan trọng, kế thừa thành tựu của 30 năm tăng trưởng và phát triển sau đổi mới, với thế và lực của đất nước ngày càng lớn mạnh.

a. Bối cảnh trong nước và quốc tế

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 được thực hiện trong bối cảnh quốc tế, trong nước có những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen. Tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước, đối tác lớn trên thế giới và trong khu vực ngày càng gay gắt, xung đột thương mại và rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Trong khi đó, khoa học công nghệ phát triển nhanh và mạnh. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu rộng đến các quốc gia trên nhiều phương diện. Đặc biệt, từ đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 đã xuất hiện và bùng phát trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng rất nặng nề đến tất cả các lĩnh vực, dẫn đến tình trạng suy thoái kinh tế thế giới nghiêm trọng.

Ở trong nước, nền kinh tế vẫn còn những hạn chế, bất cập nội tại. Đại dịch Covid-19 đã tác động, ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt của đời sống xã hội; sản xuất kinh doanh bị đình trệ; nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội bị ảnh hưởng nghiêm trọng; nhiều lao động thiếu, mất việc làm, giảm sâu thu nhập. Trong khi đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, thiên tai, nhất là nắng nóng, hạn hán, giông lốc, sạt lở, lũ lụt và xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt... gây thiệt hại nặng nề, tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống.

b. Những kết quả đã đạt được

- Về thể chế kinh tế thị trường: đã hình thành hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ, toàn diện; kịp thời triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 và thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng trên các lĩnh vực. Từ tháng 7/2016 đến hết năm 2020, Quốc hội đã ban hành 65 luật và 122 nghị quyết¹; Chính phủ hằng năm ban hành khoảng 170 nghị định, trong đó hơn 70% số lượng nghị định trực tiếp liên quan đến hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các loại thị trường vận hành cơ bản thông suốt, bước đầu gắn kết với khu vực và quốc tế; thị trường chứng khoán phát triển khá ổn định; kết nối cung cầu thị trường lao động hiệu quả hơn; thị trường khoa học và công nghệ bước đầu phát triển.

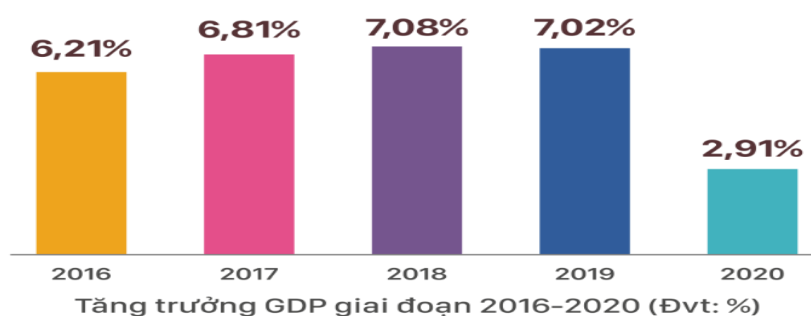
Tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giảm cấp trung gian, đẩy mạnh phân cấp, đề cao trách nhiệm giải trình và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách lần lượt đạt 8,68% và 7,56%, giảm gánh nặng cho ngân sách hàng chục nghìn tỷ đồng². Đã hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước được tăng cường. Các cấp, các ngành đã tập trung thực hiện đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công được cải thiện thông qua triển khai cơ chế một cửa và cổng dịch vụ công các cấp. Xây dựng Chính phủ điện tử được triển khai mạnh mẽ; trong đó nhiều nền tảng quan trọng do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ công nghệ vận hành hiệu quả. Tăng cường họp, làm việc trực tuyến, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử. Phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện nghiêm; đã điều tra, truy tố, đưa ra xét xử nghiêm minh, công khai nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân.

¹ Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và 5 năm 2016 -2020 của Chính phủ (vanban.chinhphu.vn).

² Thời báo tài chính Việt Nam, Giai đoạn từ năm 2016 - 2020: Giảm chi ngân sách cả chục nghìn tỷ đồng nhờ tinh giản biên chế (08/05/2020) .

Kinh tế tư nhân phát triển mạnh, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế; đã hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, có thương hiệu và năng lực cạnh tranh khu vực, quốc tế. Kinh tế tập thể, hợp tác xã có bước phát triển, xuất hiện nhiều mô hình mới, hiệu quả. Tinh thần khởi nghiệp lan toả rộng rãi; các mô hình kinh doanh mới và phong trào đổi mới, sáng tạo được nhân rộng. Mỗi năm có trên 100.000 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký bình quân tăng hơn 1,8 lần so với năm 2015³. Xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam được cải thiện đáng kể, tăng từ thứ 88/183 năm 2010 lên thứ 70/190 quốc gia, vùng lãnh thổ năm 2020⁴.

- Về tình hình kinh tế vĩ mô: cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chất lượng tăng trưởng được nâng lên, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2019 đạt khá cao, bình quân 6,8%/năm. Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, trong khi hầu hết các quốc gia trên thế giới đều tăng trưởng âm, Việt Nam tăng trưởng cả năm vẫn đạt 2,91%, là một trong những quốc gia tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới nhờ khả năng tận dụng nội lực và thích ứng linh hoạt của nền kinh tế. Quy mô GDP đã tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2015, trở thành nền kinh tế đứng thứ 4 ASEAN; GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt khoảng 2.750 USD⁵.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

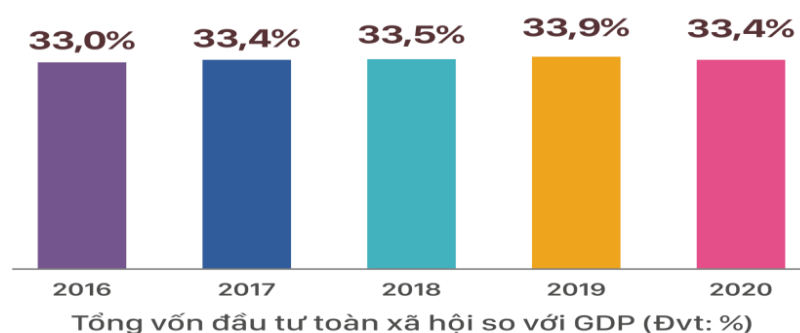
³ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Báo cáo khảo sát Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 và đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW.

⁴ Ngân hàng Thế giới (WB), Doing Business 2020.

⁵ Tổng cục thống kê, Kinh tế Việt Nam: một năm đầy bản lĩnh (gso.gov.vn).

Năng suất lao động được cải thiện rõ nét, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 5,8%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (4,3%) và vượt mục tiêu đề ra (5%). Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân 5 năm đạt khoảng 45,2% (mục tiêu đề ra là 30 - 35%)⁶. Mô hình tăng trưởng dần chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô, lao động giá rẻ, mở rộng tín dụng..., từng bước chuyển sang dựa vào ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được kiểm soát, giảm xuống còn dưới 4% giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ giá, thị trường ngoại hối khá ổn định; lãi suất có xu hướng giảm dần; cán cân thanh toán thặng dư, dự trữ ngoại hối đạt kỷ lục; hệ số tín nhiệm quốc gia được cải thiện. Kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường; cơ cấu lại ngân sách nhà nước đạt kết quả tích cực, tỷ trọng thu nội địa tăng lên đáng kể so với giai đoạn 2011 - 2015; tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng lên 27 - 28%, tỷ trọng chi thường xuyên giảm còn 62 - 63%⁷. Bội chi ngân sách nhà nước và nợ công được kiểm soát, giảm so với giai đoạn trước.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP đạt khoảng 33,4%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2020 đạt khoảng 535 tỷ USD mặc dù thương mại quốc tế giảm mạnh, trong đó điểm sáng là xuất khẩu của khu vực trong nước tăng mạnh, xuất siêu 5 năm liên tiếp. Công tác quản lý thị trường, giá cả, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường.

⁶ Tổng cục thống kê (gso.gov.vn).

⁷ Báo cáo thường niên, Bộ Tài chính (mof.gov.vn).

Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả. Các trọng tâm cơ cấu lại về đầu tư công, hệ thống các tổ chức tín dụng, hệ thống doanh nghiệp nhà nước được chú trọng. Vốn đầu tư công được tập trung cho những dự án cấp bách, trọng điểm, có tính kết nối, lan toả cao; giải ngân vốn đầu tư công được chỉ đạo quyết liệt. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ, hiệu quả hơn, bảo đảm ổn định, an toàn hệ thống; tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 3%. Việc sắp xếp lại, cổ phần hoá, thoái vốn thực chất hơn; hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp nhà nước được nâng lên.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Cơ cấu giữa các ngành và nội ngành tiếp tục chuyển dịch tích cực, đúng hướng. Tỷ trọng ngành khai khoáng giảm, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh; tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến tăng từ 65% năm 2016 lên 85% năm 2020. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ; nhiều nhà máy chế biến nông sản, thực phẩm với công nghệ hiện đại đi vào hoạt động; kinh tế hợp tác và doanh nghiệp nông nghiệp phát triển mạnh; trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19, nông nghiệp khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế; sản xuất lúa gạo được mùa, được giá, đời sống người nông dân được cải thiện; an ninh lương thực được bảo đảm. Nhiều ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, hàm lượng khoa học công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng...

phát triển nhanh; trong đó một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin có bước tiến vượt bậc. Ngành du lịch phát triển mạnh, khách quốc tế tăng bình quân gần 30%/năm, riêng năm 2020 chịu ảnh hưởng nặng nề nhưng dự kiến sẽ phục hồi mạnh mẽ sau dịch.

- Về nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội:

Quy mô và chất lượng nguồn nhân lực tăng lên, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,5%. Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường; công nghệ hiện đại được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực; thu hút nhiều dự án công nghệ cao của một số tập đoàn hàng đầu thế giới. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia có bước phát triển. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2020 xếp thứ 42/131, đứng đầu nhóm 29 quốc gia, nền kinh tế cùng mức thu nhập⁸.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được tập trung nguồn lực đầu tư; nhiều công trình, dự án quan trọng, quy mô lớn đã hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2019. Nhiều công trình hạ tầng về giao thông, năng lượng, thủy lợi, đô thị, khu công nghiệp, thông tin truyền thông, y tế, giáo dục... được hoàn thành, đưa vào sử dụng, tạo thêm năng lực, sức cạnh tranh và diện mạo mới cho đất nước.

Hệ thống đô thị tăng nhanh, tỷ lệ đô thị hóa đạt gần 40%, vượt chỉ tiêu đề ra. Xây dựng nông thôn mới hoàn thành trước thời hạn gần 2 năm; đến cuối năm 2020 có khoảng 63% xã đạt chuẩn, vượt xa mục tiêu đề ra (50%).

- Về lĩnh vực văn hoá, xã hội:

Đã đạt nhiều kết quả tích cực, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Mở rộng đối tượng, nâng mức hỗ trợ người có công và tập trung giải quyết hồ sơ tồn đọng; đến nay có gần 1,4 triệu người có công đang hưởng chế độ ưu đãi hàng tháng. Các chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở đã được quan tâm chú trọng. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm từ gần 10% năm 2015 xuống dưới 3% năm 2020. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội được mở rộng, tăng hơn 1,3 lần so với năm 2015, chiếm gần 33%

⁸ <https://nhandan.vn/khoa-hoc/chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-viet-nam-dung-dau-nhom-29-nen-kinh-te-cung-muc-thu-nhap-615355/>

lực lượng lao động vào năm 2020⁹. Hệ thống y tế dự phòng và mạng lưới y tế cơ sở được củng cố; năng lực giám sát, dự báo, phát hiện và khống chế dịch bệnh được nâng lên. Ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học công nghệ trong khám, chữa bệnh và quản lý y tế.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục được tích cực triển khai theo tinh thần là quốc sách hàng đầu. Đổi mới kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, giảm áp lực và chi phí xã hội. Chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục đại học tiếp tục được nâng lên. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; quan tâm hơn giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hình thức dạy và học trực tuyến được triển khai mạnh mẽ, nhất là trong thời gian giãn cách xã hội.

Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực; nhiều giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc được phát huy, thể hiện rõ nét trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản thiên nhiên được thế giới công nhận. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được đẩy mạnh; thể thao thành tích cao có bước tiến bộ. Chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta liên tục được cải thiện, thuộc nhóm các nước có mức phát triển con người trung bình cao của thế giới.

- Về quốc phòng, an ninh: quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững chắc. Sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang được nâng cao. Thực hiện đồng bộ các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia. Thực hiện tốt chủ trương bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Các lực lượng quân đội, công an đã vào cuộc quyết liệt cùng cả nước trong phòng chống dịch bệnh và phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn. Tham gia tích cực hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Chủ động nắm

⁹ Tổng cục thống kê (gso.gov.vn).

chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn, khủng bố, phá hoại của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự; tình hình tội phạm, tai nạn giao thông giảm dần.

- Về đối ngoại và hội nhập quốc tế: quan hệ với các quốc gia, đối tác tiếp tục được mở rộng, đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả hơn, nhất là đối với 16 đối tác chiến lược và 12 đối tác hợp tác toàn diện; đã ký kết và triển khai hiệu quả 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các hiệp định tiêu chuẩn cao, thị trường rộng lớn là CPTPP và EVFTA. Việt Nam đã đảm nhiệm thành công nhiều cương vị quan trọng tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế, khu vực, nhất là vai trò nước chủ nhà APEC 2017, Chủ tịch ASEAN 2020, AIPA 41, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; tổ chức thành công Hội nghị Diễn đàn Kinh tế Thế giới về ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều lần 2... Uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được khẳng định và nâng cao. Giữ vững được môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

c. Những hạn chế, bất cập

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra do tác động, ảnh hưởng lớn, ngoài dự báo của đại dịch Covid-19, dẫn đến tăng trưởng bình quân 5 năm 2016 - 2020 chưa đạt mục tiêu đề ra. Trong đó, nhiều ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề; số doanh nghiệp ngừng hoạt động tăng mạnh. Khả năng chống chịu của nền kinh tế chưa thật vững chắc; năng lực cạnh tranh và tính tự chủ còn hạn chế. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại chưa đáp ứng yêu cầu. Đào tạo nguồn nhân lực còn bất cập cả về cơ cấu, số lượng và chất lượng. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa thực sự tạo động lực nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh. Cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng một số lĩnh vực còn chậm, hiệu quả chưa cao. Xã hội hoá dịch vụ công và đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập còn nhiều bất cập.

- Kết quả giảm nghèo đa chiều chưa thực sự bền vững, có nơi nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, tầng lớp nhân dân

chậm được thu hẹp. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thị trường lao động hiệu quả chưa cao; tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức còn lớn. Xuất hiện những hiện tượng đạo đức, văn hoá, ứng xử xuống cấp, gây bức xúc xã hội. Việc giải ngân gói hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp bị ảnh hưởng sâu bởi đại dịch Covid-19 còn chậm, chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Việc quản lý và xử lý chất thải rắn đô thị còn hạn chế, môi trường nước ở một số đô thị bị ô nhiễm. Chất lượng không khí ở các đô thị lớn có dấu hiệu suy giảm; rác thải ở khu vực nông thôn, ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, các nhà máy sản xuất công nghiệp gia tăng. Chưa có cơ chế thúc đẩy việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải một cách hiệu quả.

- Cải cách hành chính một số lĩnh vực còn bất cập; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn khó khăn. Đổi mới lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thực thi, chấp hành pháp luật có nơi chưa nghiêm. Quản lý biên giới, bảo vệ chủ quyền quốc gia còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội trên một số địa bàn diễn biến phức tạp. Công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng còn một số bất cập. Tham nhũng, lãng phí ở một số nơi còn chưa được phát hiện, xử lý kịp thời. Khiếu kiện về đất đai còn phức tạp, kéo dài ở một số địa phương. Năng lực hội nhập quốc tế có mặt còn hạn chế; chưa tranh thủ tốt cơ hội và lợi ích của hội nhập quốc tế cho phát triển đất nước.

Tóm lại, mặc dù còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng nhờ sự nỗ lực rất lớn và quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật trong giai đoạn 2016 - 2020, tô đậm thành tựu của 35 năm đổi mới với những bước tiến vượt bậc. Mặc dù chịu tác động lớn của đại dịch Covid-19, nhưng Việt Nam đã thành công trong phòng chống, kiểm soát dịch bệnh và phục hồi, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Kinh tế vĩ mô ổn định, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, quốc

phòng, an ninh, đối ngoại tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay¹⁰.

2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2021 - 2026¹¹

a. Mục tiêu tổng quát

- Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 - 2020, đến năm 2025 là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi kinh tế.

- Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức sáng tạo của mỗi cá nhân.

- Từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân.

- Bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Chú trọng bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

- Chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

b. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Về kinh tế:

¹⁰ Xem thêm: Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII (<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang-3670>).

¹¹ Nội dung này được biên soạn theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; xem thêm: "Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2016- 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2021- 2025", Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 94- 96.

- + Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm khoảng 6,5 - 7%.
- + GDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 4.700 - 5.000 USD.
- + Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.
- + Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%.
- + Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm.
- + Tỷ lệ đô thị hoá khoảng 45%.
- Về xã hội:
 - + Tuổi thọ trung bình khoảng 74,5 tuổi, trong đó thời gian sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 67 năm.
 - + Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%.
 - + Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28 - 30%.
 - + Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.
 - + Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5%/năm.
 - + Có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân.
 - + Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số.
 - + Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó có 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Về môi trường:
 - + Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100% và nông thôn là 93 - 95%.
 - + Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%.
 - + Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 92%.
 - + Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.
 - + Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%.

Quyết tâm phấn đấu đạt các mục tiêu, chỉ tiêu cao nhất, đồng thời chuẩn bị các phương án để chủ động thích ứng với những biến động của tình hình.

II. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2016 - 2021 và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2026¹²

1. Tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2016 - 2021

a. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; (kết quả, hạn chế; thuận lợi, khó khăn; lợi thế so sánh của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương)

b. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (kết quả, hạn chế; thuận lợi, khó khăn; lợi thế so sánh của huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương)

c. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã/phường/thị trấn (kết quả, hạn chế; thuận lợi, khó khăn; lợi thế so sánh của xã/phường/thị trấn)

2. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2026

a. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2026

b. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2026

c. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội xã/phường/thị trấn giai đoạn 2021 - 2026

III. Những vấn đề đặt ra cho chính quyền cấp huyện, cấp xã¹³

1. Chính quyền cấp huyện, cấp xã trong quy trình triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Về quy trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

¹² Nội dung này do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng biên soạn, bảo đảm nội dung phù hợp với thực tế địa phương.

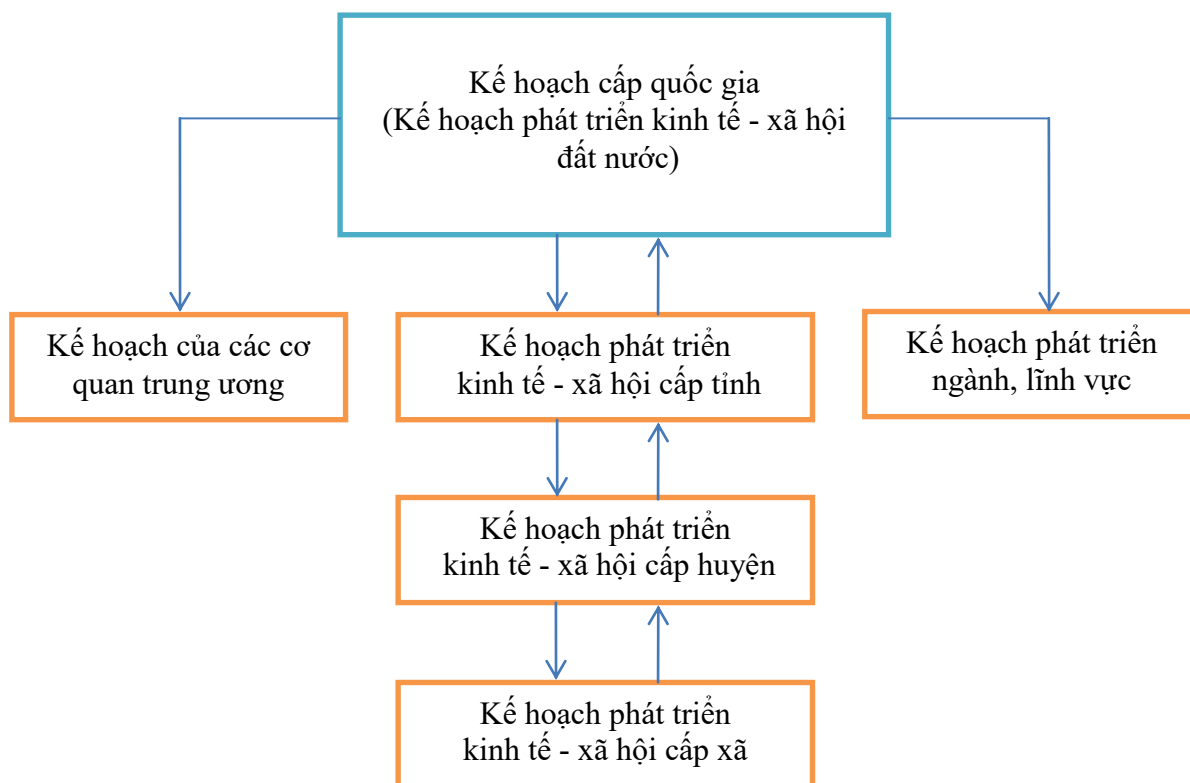
¹³ Nội dung này để các địa phương tham khảo khi biên soạn tài liệu. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao biên soạn cần nghiên cứu thực tế địa phương để biên soạn, bảo đảm phù hợp thực tế ở địa phương.

Trên cơ sở Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch hàng năm, Khung hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chính quyền địa phương ở cấp tỉnh tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (vào tháng 7 hàng năm) thực hiện việc gửi bản hướng dẫn và định hướng nội dung kế hoạch, các chính sách mới, cung cấp thông tin về bối cảnh thế giới, trong nước có thể ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội cho các tỉnh, thành. Căn cứ vào bản hướng dẫn này, UBND cấp tỉnh sẽ có văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ tham mưu và hướng dẫn các ngành và chính quyền cấp huyện xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư là căn cứ để các Sở, Ban ngành và chính quyền cấp huyện xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm việc hướng dẫn, triển khai đến các xã, phòng ban chuyên môn và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị mình). Trên cơ sở đó, chính quyền cấp huyện sẽ hoàn thiện bản dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp vào bản dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trực tiếp báo cáo và bảo vệ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan.

Trên cơ sở nghị quyết của Quốc hội (tháng 12 hằng năm), Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch cho các tỉnh. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản hướng dẫn và biện pháp tổ chức thực hiện. Trên cơ sở số giao chính thức từ trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện bản dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để trình HĐND cấp tỉnh. Bản kế hoạch sau khi được thông qua sẽ được giao các ngành, các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh triển khai thực hiện.



Sơ đồ 1: Lập kế hoạch các cấp

Tại cấp huyện, sau khi tiếp thu chủ trương từ UBND cấp tỉnh và của Sở Kế hoạch và Đầu tư, chính quyền cấp huyện sẽ thực hiện việc ban hành chủ trương lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, phổ biến rộng rãi chủ trương lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tới các ban, ngành trong huyện, xã, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn. Sau khi nhận được hướng dẫn từ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, các xã/phường/thị trấn triển khai công tác lập kế hoạch theo quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cấp xã, gửi thông tin đầy đủ lên ban chỉ đạo cấp huyện theo yêu cầu.

Trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bên cạnh các yếu tố kỹ thuật, chính quyền cấp huyện cần xác định được các cơ hội thị trường của địa phương trong năm lập kế hoạch. Phương thức thực hiện thông qua phân tích và đánh giá các chuỗi giá trị tiềm năng, xác định các chuỗi giá trị ưu tiên, phân tích chuỗi giá trị ưu tiên, từ đó đề xuất các hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển các